

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 580/2020/KDTM-ST
Ngày: 03-9-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phát
2. Bà Lê Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0816/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXX-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S;

Trụ sở: 278 đường T.P, Phường T, Quận P, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TC

Trụ sở: 81 Phan Đăng Lưu, Phường 07, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà L (Giám đốc Công ty TC). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Bà Trình bày:

Ngày 13/10/2016, Công ty TNHH S (từ đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TC (từ đây gọi tắt là Công ty TC) ký kết Hợp đồng mua bán số 38-16-2016/HĐMB, theo đó Công ty S bán cho Công ty TC các sản phẩm xe đẩy, xe tập đi thương hiệu Zaracos và Coozy. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TC còn nợ tiền hàng Công ty S số tiền là 48.954.753 (*bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi ba*) đồng. Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty TC thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty TC vẫn không thực hiện. Nay Công ty S yêu cầu Công ty TC phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại của hợp đồng là 48.954.753 (*bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi ba*) đồng ngay khi bản án có hiệu lực.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty TC trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán giữa các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Phú Nhuận, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả ngay số tiền nợ mua hàng là 48.954.753 đồng ngay khi bản án có hiệu lực.

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 38-16-2016/HĐMB ngày 13/10/2016 và phụ lục hợp đồng ký kết giữa Công ty S và Công ty TC, theo đó Công ty S cung cấp các sản phẩm xe đẩy, xe tập đi thương hiệu Zaracos và Coozy cho Công ty TC. Theo các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty S cung cấp cho thấy Công ty S đã giao cho Công ty TC 04 (bốn) đơn hàng với tổng số tiền là 135.894.754 (*một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi bốn*) đồng, phù hợp với hợp đồng và bà Bảo Ngọc Minh Châu đã nhận số hàng này (đại diện cho Công ty TC nhận hàng). Theo giấy thanh toán tạm ứng và hóa đơn hàng trả do Công ty S cung cấp thì Công ty TC đã thanh toán tiền hàng 03 (ba) đợt với tổng số tiền là 49.257.001 (*bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn không trăm lẻ một*) đồng và đã trả lại số hàng mà Công ty S đã giao cho Công ty TC có giá trị

là 37.683.000 (*ba mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn*) đồng cho Công ty S. Vì vậy, số tiền còn lại mà Công ty TC chưa thanh toán cho Công ty S là 48.954.753 (*bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi ba*) đồng. Do đó hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 48.954.753 (*bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi ba*) đồng, được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại với mức thu là 3.000.000 đồng (*ba triệu*) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Buộc Công ty TC trả cho Công ty TNHH S số tiền 48.954.753 (*bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi ba*) đồng. Thi hành một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty TC phải nộp án phí là 3.000.000 đồng (*ba triệu*) đồng.

+ Hoàn lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0042342 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS Q.QPN;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Trâm